

Số: 34 /BCT-CCTTBVT

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/01/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 19-21⁰C Cao nhất: 27-29⁰C Thấp nhất: 15-17⁰C
Độ ẩm trung bình: 75-80% Cao nhất: 85-90% Thấp nhất: 65-70%
Lượng mưa tổng số: 5-20 mm
Số giờ nắng: 45-85 giờ/ tuần

Trong tháng, mây thay đổi đến nhiều mây, sáng và tối thời tiết lạnh, ban ngày có nắng.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông xuân 2020-2021	Sớm	Mạ - đẻ nhánh	7.500	
	Chính vụ	Gieo sạ - Mạ	9.742,8	
	Muộn		-	
	Tổng:			17.242,8

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây Ngô	Cây con	1.828
- Cây Sắn	Cây con	6.584,8
- Cây Rau, dưa các loại	Các giai đoạn	7.754
- Đậu các loại	Cây con	3.091,4
- Cây Cà phê	Chăm sóc	TM 2020: 802,2; TC: 2.038,8
	Chăm sóc	KTCB: 9.953,5, KD: 83.148
- Cây Tiêu:	Chăm sóc, quả xanh	KTCB: 450, KD: 11.797; TM: 53,6
- Cây Mía	Cây con	TM 4.060,6
- Cây Điều	Chăm sóc	Trồng mới: 1.135,5
	Ra hoa, quả non	Kinh doanh: 16.906
- Cây Cao su	Cạo mù	KD: 74.270, TC: 626
- Cây Chè	Chăm sóc, thu hái	795
- Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	1.308,9

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: (hạn hán) vụ Đông - xuân 2020-2021

Cây trồng bị ảnh hưởng	Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục				
	Giảm NS 30-70%	Mất trắng (> 70%)	Đã gieo cây lại	Đã trồng cây khác	Đề đất trồng
Lúa					
Cà phê. ..					

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I.a	Cây lúa vụ Đông - xuân 2020-2021 - gieo sạ-mạ-đẻ nhánh					
1	Tuyến trùng hại rễ	7,7	20,0		C1-3	Đ.Ơ, Đăk Đoa, Chư Păh
2	Bọ trĩ	7,0	25,0		N-TT	Kbang, Cpr, Đ.Ơ
3	Sâu cuốn lá nhỏ	5,0	25,0		T1-3	Chư Prông
4	Sâu đục thân	1,0	10,0		N-TT	Đức Cơ
II	Cây Ngô - Cây con					
1	Sâu cắn lá	1,0	2,0			RR
III	Cây Rau – Các giai đoạn					
1	Ruồi đục quả <small>(tho bầu bí)</small>	4,0	30,0		N-TT	Pleiku, An Khê
2	Bệnh thán thư <small>(cây ớt)</small>	5,0	12,0		C1-3	Đăk Pơ, An Khê
3	Sâu tơ <small>(Họ thập tự)</small>	3,0	17,0		T1-3	Pleiku
IV	Cây Sắn - Cây con					
1	Bệnh khảm lá virus	10,0	45,0		C5-7	Ia Pa, Kb, Phú Thiện, ..
V	Cà phê - Chăm sóc					
1	Rệp sáp	5,0	50,0		N-TT	Cpr, C.Sê, C.Păh,
2	Bệnh gỉ sắt	10,0	39,5		C3-5	Cpr, My, C.Păh, ...
VI	Cây Tiêu - Chăm sóc, quả xanh					
1	Chết nhanh	6,2	33,3		C3-7	Cpr, C.Sê, C.Pưh, ...
2	Chết chậm	7,7	28,6		C3-7	C.Pưh, My, CSê, ...
VII	Cây chè - Chăm sóc, hái búp					
1	Bọ cánh tơ	2,7	3,5		N-TT	Chư Păh
VII	Cây Mía - Cây con, đẻ nhánh, vuron lóng					
1	Xén tóc	0,4	2,0		T8-9	Kbang, An Khê, Đ.Ơ
2	Sâu đục thân	1,0	10,0		N-TT	Kbang
VIII	Cây Điều - Thu hoạch – chăm sóc					
1	Bọ xít muỗi	5,7	27,5		N-TT	Ia Grai

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I.a	Cây lúa vụ Mùa 2020 - gieo sạ-mạ-đẻ nhánh							
1	Tuyến trùng hại rễ	47,2	14,0			61,2	3,0	Chư Păh, Ia Grai
2	Bọ trĩ	425,0				425,0	27,0	Kb, Cpr, Đ.Pơ, ...
3	Sâu cuốn lá nhỏ	40,0				40,0	0,0	Chư Prông
4	Sâu đục thân	10,0				10,0	10,0	Đức Cơ
II	Cây Ngô - Cây con, phát triển thân lá 5-7 lá							
1	Sâu cắn lá	RR				RR		
III	Cây Rau - Các giai đoạn							
1	Ruồi đục quả (ho bầu bí)	30,4				30,4	15,4	Pleiku, An Khê
2	Bệnh thán thư (cây ớt)	69,8	57,0			126,8	24,8	Đăk Pơ, An Khê
3	Sâu tơ (Họ thập tự)	19,0				19,0	10,0	Pleiku
IV	Cây Sắn - Phát triển thân, củ							
1	Bệnh khảm lá virus	1613,0	88,0			1701,0		Ia Pa, Kb, Ayp, Đ.Pơ
V	Cà phê - Chăm sóc, quả non							
1	Rệp sáp	1801,7	16,0			1817,7	240,5	Cpr, CSê, C.Păh, ...
2	Bệnh gỉ sắt	3656,0	79,2			3735,2	341,0	Cpr, My, C.Păh, ...
VI	Cây Tiêu - Chăm sóc, phân hóa mầm hoa							
1	Bệnh chết nhanh	42,0	69,0	1,5		112,5	1,5	Cpr, C.Sê, C.Puh, ...
2	Bệnh chết chậm	920,7	411,7	578,0		1910,4	240,5	C.Puh, My, CSê
VII	Cây Chè - Chăm sóc, hái búp							
1	Bọ cánh tơ	10,0				10,0	0,0	Chư Păh
VIII	Cây Mía - Cây con, đẻ nhánh, vuron lóng							
1	Xén tóc	157,0				157,0	30,0	Kbang, AK, Đ.Pơ
2	Sâu đục thân	85,0				85,0	0,0	Kbang
IX	Cây Điều - Thu hoạch - chăm sóc							
1	Bọ xít muỗi	639,0	145,6			784,6	313,0	Ia Grai

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

- Trên cây Lúa vụ Đông - xuân 2020-2021: Bọ trĩ TLH 7-25%, DTN 425 ha; Tuyến trùng hại rễ TLB 7,7-20%, DTN 61,2 ha; Sâu CLN TLH 5-25%, DTN 40 ha; Sâu đục thân TLH 1-10%, DTN 10 ha.

- **Trên cây rau:** Ruồi đục quả TLH 4-30%, DTN 30,4 ha (họ bầu bí); Bệnh thán thư TLB 5-12%, DTN 126,8 ha (cây ớt); Sâu tơ (họ thập tự) TLH 3-17%, DTN 19 ha; gây hại rải rác tại các vùng trồng rau.
- **Trên cây Cà phê:** Bệnh gỉ sắt TLB 10-39,5%, DTN 3.735,2 ha gây hại các vùng trồng cà phê. Rệp sáp TLH 5,0-50%, DTN 1.817,7 ha. Bệnh khô cành, một đục cành gây hại rải rác tại các vùng trồng cà phê.
- **Trên cây Tiêu:** Bệnh vàng lá chết chậm TLB 7,7-28,6%, DTN 1.910,4 ha. Bệnh héo chết nhanh TLB 6,2-33,3%, DTN 112,5 ha.
- **Trên cây Điều:** Bọ xít muỗi TLH 5,7-27,5%, DTN 784,6 ha. Các đối tượng dịch hại phân bố rải rác ở Ia Grai, Kông Chro, Krông Pa.
- **Trên cây Chè:** Bọ cánh tơ, rầy xanh gây hại cục bộ tại Chư Păh. Các đối tượng sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.
- **Trên cây Mía:** Xén tóc 0,4-2%, DTN 157 ha gây hại giảm so với cùng kỳ năm trước. Sâu đục thân, bọ hung gây hại rải rác.
- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus diện tích nhiễm trên đồng ruộng trong kỳ 1.701 ha (nhẹ 1.613 ha, TB 88 ha) phân bố tại Pa Ia (726 ha), Krông Pa (327 ha), Phú Thiện (169 ha), An Khê (120 ha), Ayun Pa (117 ha), Kbang (114 ha), Đăk Pơ (48 ha), Chư Puh 35 ha).
- **Cây trồng khác:** Sâu bệnh hại bình thường, diện tích và mật độ sâu bệnh hại thấp, mức độ gây hại không đáng kể.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Tình hình thời tiết trong thời gian tới trời nắng hanh khô, đêm và sáng trời lạnh, tạo điều kiện cho các đối tượng sâu bệnh phát sinh, phát triển gây hại.

- **Trên cây Lúa:** Bọ trĩ, nghệt rế, tuyến trùng gây hại trên lúa trà muộn; Bệnh đạo ôn lá, sâu đục thân, sâu CLN, khô vằn gây hại trên trà sớm, trà chính, chuột gây hại trên các vùng gò, đồi.
- **Trên cây Rau:** Các đối tượng dịch hại trên rau các loại tiếp tục gây hại.
- **Trên cây Cà phê:** Rệp các loại gia tăng gây hại do cà phê đang giai đoạn chăm sóc, ra hoa. Bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại. Một đục cành, sâu đục thân, thán thư gây hại rải rác trên cà phê KTCB.
- **Trên cây Tiêu:** Bệnh héo chết nhanh, bệnh vàng lá thối rữa tơ gia tăng gây hại do thời tiết khô hanh nên bệnh biểu hiện triệu chứng rõ hơn. Rệp sáp cành, gốc, tuyến trùng rế tiếp tục gây hại.
- **Trên cây Chè:** Bọ cánh tơ, rầy xanh gây hại cục bộ.
- **Trên cây Điều:** Sâu đục thân cành, sâu đục rộp lá, ... tiếp tục gây hại.
- **Trên Cây Mía:** Bọ hung, xén tóc, sâu đục thân gây hại cục bộ. Bệnh trắng lá mía phát sinh gây hại.
- **Trên cây ngô:** Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại.
- **Trên cây Sắn:** Bệnh khảm lá virus gia tăng gây hại.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh gây ra, các địa phương cần triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại theo văn bản số 539/BCV-BVTV ngày

27/11/2020 của Chi cục Trồng trọt và BVTV về Báo cáo tình hình sinh vật gây hại; Tổng kết công tác BVTV vụ Mùa năm 2020; Triển khai kế hoạch phòng chống SVGH vụ Đông xuân 2020-2021. Văn bản số 41/SNNPTNT-TTBVTV ngày 06/01/2021 về việc tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ một số đối tượng sâu bệnh hại trên cây trồng trước trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021.

- **Trên cây lúa:** Áp dụng chương trình IPM, ICM vào sản xuất.

- **Trên cây rau các loại:** Thường xuyên vận động, hướng dẫn, chỉ đạo nông dân thực hiện quy trình sản xuất rau an toàn, rau VIETGAP như làm đất kỹ, bón phân cân đối hợp lý, ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, chỉ sử dụng thuốc trong danh mục cho rau và đảm bảo đúng thời gian cách ly trong sử dụng thuốc BVTV và phân bón vô cơ nhất là đạm và các loại phân bón lá.

- **Trên cây cà phê:** Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân cắt cành, tạo tán, vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, thu gom những cành bị sâu bệnh ra khỏi vườn để tiêu hủy, nhằm giảm nguồn tích lũy gây hại vụ sau. Xác định thời điểm tưới nước lần 1 thích hợp cho vườn cây, tưới đủ lượng nước, có thể kết hợp rải RIC 10WP mùa khô dùng cho cà phê để cây bung hoa đồng loạt. Những vườn bị bệnh rỉ sắt dùng các loại thuốc BVTV như: *Anvil 5SC, Tilt super 300ND, Sumi-Eight 12,5WP*, ... phun theo nồng độ khuyến cáo, phun ướt đều dưới mặt lá. Đối với những vườn bị nhiễm rệp sáp, vảy xanh, vảy nâu, hướng dẫn nông dân phun những cây nhiễm bằng các thuốc BVTV như: *Bi 58 40EC, Dimenate 40EC, Nitox 30EC*, ... sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn bao bì.

Đối với cà phê trồng mới năm 2020, KTCB nên tiến hành tủ ẩm, thường xuyên thăm vườn để quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời.

- **Trên cây tiêu:**

+ **Đối với vườn tiêu kinh doanh:** Vệ sinh đồng ruộng, thu gom tàn dư cây bệnh tiêu hủy phòng bệnh cho cây tiêu. Tiếp tục tổ chức phòng trừ sâu bệnh cho vườn tiêu như tuyến trùng, vàng lá thối rễ tơ, ... Cần phân loại vườn tiêu thành 3 cấp (nhẹ, trung bình, nặng) để đưa ra giải pháp phòng trừ phù hợp. Đối với vườn bị tuyến trùng rễ và bệnh thối rễ tơ: Dùng *Tervigo 020 SC* 300 ml + *Ridomil Gold 68 WP* 600 g pha vào 200 lít nước dùng để tưới gốc, tưới 4 lít nước thuốc /gốc. Đối với những vườn tiêu bị tuyến trùng nặng sử dụng các loại thuốc BVTV như *Nokaph 10 G, Map logic 90 WP*, ... tưới hoặc rải vào gốc để diệt trừ. Đối với bệnh thán thư sử dụng các loại thuốc BVTV như *Antracol 70 WP, Revus opti 440 EC*,...phun theo nồng độ khuyến cáo trên nhãn mác. Hiện vườn tiêu kinh doanh đang giai đoạn chắc quả-chín chuẩn bị cho thu hoạch cần vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, cắt giảm lượng nước tưới để quả chín đồng đều, thuận lợi cho thu hoạch.

+ **Đối với vườn tiêu kiến thiết cơ bản:** Tiếp tục chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh theo đúng quy trình chăm sóc cây tiêu giai đoạn kiến thiết cơ bản để cây sinh trưởng, phát triển tốt. Chủ động thực hiện các giải pháp kỹ thuật đã hướng dẫn để phòng sâu bệnh cho vườn tiêu trong mùa khô.

- **Trên cây mía:** Tập trung theo dõi phòng trừ bọ hung, xén tóc, sâu đục thân. Tiến hành thu hoạch đối với những diện tích mía đã chín, thường xuyên kiểm tra, vệ sinh đường băng, đề phòng không để mía cháy.

- **Trên cây sắn:** Tiếp tục chỉ đạo tổ chức nhỏ bỏ tiêu hủy ngay các cây sắn bị bệnh khảm lá virus hại sắn trên đồng ruộng; tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về cách phát hiện bệnh và các biện pháp phòng trừ. Phun trừ môi giới truyền

bệnh, tiến hành nhổ tiêu hủy những diện tích sản bị nhiễm bệnh khảm lá virus để tránh lây lan nguồn bệnh. Khi tiến hành tiêu hủy cần tuyệt đối tuân thủ những yêu cầu về an toàn lao động, kiểm soát chặt chẽ an toàn khi sử dụng thuốc BVTV, môi trường và phòng cháy.

- **Trên cây ngô:** Điều tra, phát hiện sâu keo mùa thu để có biện pháp xử lý sớm không để lây lan ra diện rộng.

- **Trên cây trồng khác:** Theo dõi diễn biến của các đối tượng dịch hại, nếu phát hiện sâu bệnh xuất hiện gây hại thì báo ngay cho Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, Thị xã, Thành phố hoặc Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh (điện thoại 0269.3872360) để được hướng dẫn biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Miền Trung;
- Sở NN và PTNT tỉnh Gia Lai;
- UBND các huyện, thị xã, Tp;
- Các Cty Cà phê;
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai;
- Nhà máy Đường An Khê;
- LĐ Chi cục;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, Tp;
- Lưu: VT, BVTV.

K **CHI CỤC TRƯỞNG**
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Xuân Khải

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ
(Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/01/2021)



Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
	Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1) (2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I Cây Lúa									
1 Bộ trĩ	425,0				425,0	6,5	316,1	27,0	Kbang, Cpr, Đak Pơ, ...
2 Sâu cuốn lá nhỏ	40,0				40,0	5,0	40,0	0,0	Chư Prông
II Cây Sắn									
1 Bệnh khảm lá virus	1.613,0	88,0			1.701,0	-42,0	674,1		la Pa, K.Pa, Phú Thiện, ...
III Cây Cà phê									
1 Bệnh gỉ sắt	3.656,0	79,2			3.735,2	55,7	1.463,4	341,0	Cpr, My, Chư Páh, ...
IV Cây Tiêu									
1 Bệnh chết nhanh	42,0	69,0	1,5		112,5	0,5	-42,2	1,5	Cpr, C.Sê, C.Puh, ...
2 Bệnh chết chậm	920,7	411,7	578,0		1.910,4	3,0	3,0	240,5	C.Puh, My, Chư Sê, ...